

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
QUẬN LONG BIÊN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 101 /2023/DSST

Ngày: 31/7/2023

V/v: *Tranh chấp hợp đồng tín dụng*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN LONG BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lý Thị Tường Nga

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Xuân Luyện

2. Bà Nguyễn Thị Nga

Hội thẩm nhân dân dự khuyết: Ông Tạ Đức Minh, Ông Nguyễn Đức Thắng, Bà Nguyễn Thị Cúc

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Vũ Ngọc Huyền

- Thư ký dự khuyết: Bà Phạm Lệ Quyên, Bà Nguyễn Thu Hà

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Long Biên tham gia phiên tòa: Ông Vũ Trường Giang - Kiểm sát viên

Ngày 31 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Long Biên, Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 74/2023/TLST – DS ngày 21 tháng 4 năm 2023 về việc Tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 78/2023/QĐXXST- DS ngày 27 tháng 6 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 47/2023/QĐST-ST ngày 13/7/2023, giữa các đương sự:

1/ Nguyên đơn: Ngân hàng T

Địa chỉ: ***-*** N, Phường V, Quận *, thành phố H.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Thanh H – Cán bộ Ngân hàng

2/ Bị đơn: Ông Trần Mạnh C, sinh năm 1978; ĐKNKTT và chỗ ở: Tổ ** (nay là tổ **), phường S, quận L, thành phố H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***Theo đơn khởi kiện và các lời khai tại Tòa án, đại diện nguyên đơn trình bày:**

Ông H trình bày: Tôi xác nhận tính đến thời điểm ngày 31/07/2023, ông Trần Mạnh C còn nợ Ngân hàng T số tiền là: **89,209,354** đồng (*Tám mươi chín triệu, hai trăm linh chín nghìn, ba trăm năm mươi tư đồng*), trong đó:

Nợ gốc: **34.936.039** đồng

Lãi quá hạn: **54,273,315** đồng

Tổng cộng: **89,209,354** đồng

Tại buổi làm việc ngày hôm nay, Ngân hàng đề nghị:

1. Buộc ông Trần Mạnh C phải trả ngay cho Ngân hàng tổng số tiền tạm tính đến ngày 31/7/2023 là **89,209,354** đồng (*Tám mươi chín triệu, hai trăm linh chín nghìn, ba trăm năm mươi tư đồng*).

2. Ông Trần Mạnh C có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh sau ngày 31/7/2023 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng.

3. Buộc ông Trần Mạnh C phải chịu trách nhiệm thanh toán toàn bộ án phí, phí thi hành án, chi phí phát sinh liên quan.

Ngoài ra, Ngân hàng không có yêu cầu nào khác.

*** Bị đơn- Ông Trần Mạnh C:** Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và triệu tập ông Trần Mạnh C đến Tòa án để cung cấp tài liệu, chứng cứ và trình bày nguyện vọng trước yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng T nhưng ông C đều vắng mặt không có lý do và không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì cho Tòa án.

*** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Long Biên tại phiên tòa phát biểu ý kiến:**

- Về thời hiệu và thẩm quyền:

Tòa án nhân dân quận Long Biên đã thụ lý và giải quyết vụ án đúng thời hiệu và thẩm quyền theo quy định.

- Thẩm phán lập hồ sơ, xác minh, thu thập chứng cứ, tiến hành giao các văn bản tố tụng và tiến hành trình tự, thủ tục tại phiên tòa đúng quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử tiến hành tố tụng tại phiên tòa đúng trình tự theo quy định của pháp luật.

- Nguyên đơn, bị đơn thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng chấp hành đúng các quy định của pháp luật.

- Về việc giải quyết nội dung vụ án: Nhận thấy yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng đối với ông Trần Mạnh C là có cơ sở nên đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả diễn biến tại phiên tòa, sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

*** Về tố tụng:**

Về thẩm quyền giải quyết: Căn cứ vào hồ sơ vụ án thể hiện: Ngày 5/3/2019 ông Trần Mạnh C có “Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng”, ngày 8/3/2019, ngân hàng T phê duyệt hạn mức tín dụng 30 triệu đồng và cấp thẻ tín dụng số thẻ 472075-****. Do ông Trần Mạnh C vi phạm nghĩa vụ hợp đồng nên xảy ra tranh chấp. Vì vậy có cơ sở xác định đây là vụ án dân sự về Tranh chấp hợp đồng tín dụng theo quy định tại khoản 3 điều 26 BLTTDS. Bị đơn có nơi cư trú tại Tổ ** (nay là tổ **), phường S, quận L, thành phố H nên việc TAND quận Long Biên thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS và hướng dẫn tại Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 5/5/2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao.

Về sự vắng mặt của bị đơn: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã triệu tập hợp lệ bị đơn nhiều lần đến Tòa án để giải quyết và tại phiên tòa hôm nay, bị đơn vẫn

vắng mặt đến lần thứ hai không có lý do. Như vậy, bị đơn đã từ bỏ quyền và không chấp hành nghĩa vụ của mình khi tham gia tố tụng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự là có căn cứ.

*** Về nội dung:**

Xét tính hợp pháp của hợp đồng: Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng được phê duyệt hạn mức tín dụng 30 triệu đồng ngày 8/3/2019 được các bên thống nhất tự nguyện thỏa thuận, ký kết bởi những người có đủ thẩm quyền, năng lực hành vi dân sự phù hợp với giao dịch được xác lập, mục đích và nội dung của các hợp đồng không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Về hình thức của hợp đồng phù hợp với quy định tại Điều 124 của Bộ luật Dân sự năm 2005. Về nội dung của hợp đồng: Các điều khoản của hợp đồng phù hợp với quy định của pháp luật nên phát sinh hiệu lực đối với các bên về quyền, nghĩa vụ và các bên phải có trách nhiệm thực hiện các thỏa thuận đã cam kết trong hợp đồng.

Xét quá trình thực hiện hợp đồng của các bên: Hội đồng xét xử thấy rằng, sau khi ông Trần Mạnh C có Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng, Ngân hàng T đã phê duyệt hạn mức tín dụng và phát hành thẻ tín dụng số thẻ 472075-**** cho ông C. Hai bên không có thắc mắc gì về các nội dung và điều khoản của Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng cũng như việc thực hiện các giao dịch. Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, ông C đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là **298.837.450 đồng** (*Hai trăm chín mươi tám triệu, tám trăm ba mươi bảy nghìn, bốn trăm năm mươi đồng*). Kể ngày kích hoạt thẻ đến ngày 31/7/2023, ông C đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền **269.300.000 đồng** (*Hai trăm sáu mươi chín triệu, ba trăm nghìn đồng*), ông C chưa thanh toán số tiền còn lại là **34.936.039 đồng** (*ba mươi tư triệu, chín trăm ba mươi sáu nghìn, không trăm ba mươi chín đồng*) và tiền lãi. Ông C không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ của mình, vi phạm hợp đồng. Vì vậy, Ngân hàng T khởi kiện yêu cầu buộc ông C phải trả nợ gốc và lãi phát sinh là có căn cứ và đúng pháp luật nên cần chấp nhận.

Căn cứ Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và thẻ tín dụng số 472075-**** thì bị đơn còn nợ ngân hàng số tiền tạm tính đến hết ngày 31/7/2023 là **89,209,354 đồng** (*Tám mươi chín triệu, hai trăm linh chín nghìn, ba trăm năm mươi tư đồng*), trong đó: Nợ gốc: **34.936.039 đồng** (*Hai mươi ba triệu ba trăm mười lăm nghìn một trăm hai mươi sáu đồng*); Nợ lãi quá hạn: **54,273,315** (*Năm mươi tư triệu, hai trăm bảy mươi ba nghìn, ba trăm mười lăm đồng*). Nay ngân hàng khởi kiện ra Tòa án yêu cầu bị đơn phải thanh toán số tiền nợ gốc còn lại và lãi là có căn cứ cần được chấp nhận. Do vậy cần buộc bị đơn có trách nhiệm trả nợ ngân hàng số tiền nợ gốc, tiền nợ lãi tính đến hết ngày 31/7/2023 theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng, thẻ tín dụng số 472075-**** và luật tổ chức các tín dụng.

Quan điểm và ý kiến phát biểu của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Long Biên tham gia phiên tòa là có căn cứ, đúng với các quy định của pháp luật và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

* **Về án phí:** Bị đơn phải chịu án phí theo quy định pháp luật. Nguyên đơn không phải chịu án phí, được hoàn trả số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

* **Về quyền kháng cáo:** Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;
- Căn cứ Điều 4, Điều 119, Điều 401, Điều 463, Điều 468 Bộ luật Dân sự
- Căn cứ các Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng;
- Căn cứ Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.
- Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng T đối với ông Trần Mạnh C về việc yêu cầu thanh toán khoản tiền nợ phát sinh từ Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và thẻ tín dụng số 472075-****

2. Buộc ông Trần Mạnh C phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng T toàn bộ số tiền còn nợ tạm tính đến hết ngày 31/7/2023 là: **89,209,354** đồng (*Tám mươi chín triệu, hai trăm linh chín nghìn, ba trăm năm mươi tư đồng*), trong đó: Nợ gốc: **34.936.039** đồng (*Hai mươi ba triệu ba trăm mười lăm nghìn một trăm hai mươi sáu đồng*); Nợ lãi quá hạn: **54,273,315** đồng (*Năm mươi tư triệu, hai trăm bảy mươi ba nghìn, ba trăm mười lăm đồng*).

3. Kể từ ngày tiếp theo ngày xét xử sơ thẩm (ngày 31/7/2023) cho đến khi thi hành án xong, ông C còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và thẻ tín dụng số 472075-**** và được điều chỉnh phù hợp với lãi suất cho vay của Ngân hàng T theo từng thời kỳ nhưng không trái quy định pháp luật.

4. Về án phí DSST: Ông Trần Mạnh C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 4.460.467 đồng (*Bốn triệu bốn trăm sáu mươi nghìn bốn trăm sáu mươi bảy đồng*). Hoàn trả Ngân hàng T số tiền 1.375.000 đồng (*Một triệu ba trăm bảy mươi lăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm ngân hàng đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự quận Long Biên theo Biên lai số AA/2020/0065801 ngày 14/4/2023.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND Tp. Hà Nội;
- VKSND q. Long Biên;
- Chi cục THADS quận Long Biên;
- Các đương sự;
- Lưu HS;
- Lưu VP.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lý Thị Tường Nga